

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Theo đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Hậu Giang 2 tại Công văn số 03/CV-HG2 ngày 30 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Hậu Giang 2, địa chỉ: khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opMart Ngã Bảy, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opMart Ngã Bảy.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6300072542 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp; đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 4 năm 2009; đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 20 tháng 6 năm 2022.
- 1.4. Mã số thuế: 6300072542.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích của cơ sở: 3.147m².

- Công suất thiết kế:

+ Hạng mục công trình chính: Khối siêu thị có diện tích 1.846m².

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà xe có mái che diện tích 387m²; sân bãi diện tích 791,8m²; hệ thống xử lý nước thải diện tích 95m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6,2m², khu vực lưu giữ chất thải thông thường có khả năng tái chế diện tích 15m²; khu vực lưu giữ chất thải thông thường không có khả năng tái chế diện tích 06m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Hậu Giang 2

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Hậu Giang 2 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến ngày 12 tháng 9 năm 2034

Giấy phép môi trường số 28/GP-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Hậu Giang hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Ngã Bảy;
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Hậu Giang 2;
- Lưu: VT, NCTH. STP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của
UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: nước thải từ khu vực sơ chế, chế biến thức ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung dọc theo đường Hùng Vương, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Hố ga hệ thống thoát nước chung dọc theo đường Hùng Vương, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3^0): $X = 1085217$; $Y = 589809$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương khoảng $1,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả thải: nước thải sau xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ được bơm xả vào hố ga hệ thống thoát nước chung dọc theo đường Hùng Vương, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (tại 01 điểm) thông qua đường ống PVC $\phi 168 \text{ mm}$, dài 19 m , đặt nổi.

- Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung dọc theo đường Hùng Vương, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	05 - 09	- Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất 01 lần/năm. Vị trí quan trắc: 01 vị trí đầu ra sau hệ thống xử lý.	
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
3	TSS	mg/l	60		
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	36		
5	Sunfua	mg/l	1,2		
6	Amoni	mg/l	6		
7	Nitrat	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	06		
10	Phosphat	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 sau xử lý sơ bộ (bằng hầm tự hoại 3 ngăn) tự chảy theo hệ thống ống PVC $\phi 168\text{mm}$ về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02 tự chảy theo hệ thống ống thu gom đến 06 thiết bị tách mỡ, đến bể tách mỡ và đến hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Công trình xử lý nước thải sơ bộ

- Có 01 hầm tự hoại 03 ngăn với thể tích 20m³ để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh.

- Có 06 thiết bị tách mỡ bằng inox và 01 bể tách mỡ bằng BTCT để xử lý sơ bộ nước thải từ khu vực sơ chế, chế biến thức ăn

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung: có 01 hệ thống xử lý nước thải

- Quy trình xử lý: Nước thải (nguồn số 01 sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn, nguồn số 2 sau xử lý sơ bộ bằng thiết bị tách mỡ, bể tách mỡ) → Hồ thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học Anoxic → Bể sinh học AFBF → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Hệ thống thoát nước chung dọc theo đường Hùng Vương, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Chlorine, mật đường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các máy bơm nước thải và máy bơm bùn dự phòng. Trong trường hợp máy bơm nước thải và máy bơm bùn bị sự cố không hoạt động, máy bơm dự phòng tự động hoạt động, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung luôn được vận hành liên tục.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn, cơ sở sẽ dùng bơm xả nước thải; đồng thời, dùng bơm xả thải bơm chuyển nước thải về lưu chứa tại bể tách mỡ và bể điều hòa trong thời gian khoảng 12 giờ, sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố mới đưa hệ thống xử lý nước thải vào vận hành, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối, kiểm soát và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước mưa, nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và yêu cầu khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải

2.1. Vị trí xả thải:

- Dòng khí thải: đầu ra ống khói máy phát điện dự phòng.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1085160; Y = 507622.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 360.000 m³/ngày đêm, tương đương 15.000m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói có đường kính 114mm, cao 05m, xả gián đoạn (chỉ xả lúc lưới điện bị cúp, thời gian xả từ lúc lưới điện bị cúp đến khi có điện trở lại).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 1, K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	
2	SO ₂	mg/Nm ³	400		
3	NO _x	mg/Nm ³	680		
4	CO	mg/Nm ³	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: không.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: khí thải được xử lý đồng bộ của máy phát điện dự phòng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch); thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành bồn khử mùi xử lý khí thải phát sinh từ các bể trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom khí thải, bồn khử mùi đảm bảo vận hành hiệu quả.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại rác thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	14
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	73
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	02
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	04
5	Pin, ắc quy chì thải	16 01 02	08
Tổng khối lượng			101

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (tấn/năm)
1	Bao bì carton, giấy	18 01 05	35,04
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	0,365
Tổng khối lượng			35,369

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	91,25
Tổng khối lượng		91,25

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng bao bì, thùng chứa đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 6,2m²;
- Thiết kế, cấu tạo của kho: khung cột vách bằng BTCT, nền xi măng, mái tole, đảm bảo tránh nước mưa chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa, bể chứa:
 - + Đối với bao bì carton, giấy: diện tích 15m².
 - + Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải: chứa trong bể chứa bùn có thể tích 6,75m³.
- Thiết kế, cấu tạo kho chứa, bể chứa:
 - + Đối với bao bì carton, giấy: khung cột thép, vách tole, mái tole, nền lát gạch.
 - + Đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải: bể chứa bùn có kết cấu bằng BTCT.
- Các chất thải rắn công nghiệp thông thường được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy (loại 120 lít).

2.3.2. Khu vực lưu chứa: không bố trí khu vực lưu chứa; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào thùng chứa tập trung tại khu vực phía sau cơ sở và định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Hậu Giang)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 30/QĐ-UBND NGÀY 09/01/2014 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH HẬU GIANG VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN “SIÊU THỊ CO.OPMART NGÃ BẢY”

1. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã thực hiện:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt;
- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại;
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày đêm.

2. Các hạng mục công trình đã thay đổi:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày đêm: bổ sung thêm bể tách dầu và bồn lọc áp lực.

3. Các hạng mục, công trình chủ cơ sở tiếp tục thực hiện: không.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.